TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2017/DS-ST
Ngày 07-12-2017
v/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***:** Ông Lê Viết Kiên

Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Mai Xuân Đừng
Ông Hồ Trung Kiên

Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Minh Hiền, là Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Cành - chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số**:** 370/2017/TLST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2017, về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2017/QĐXXST-DS ngày 30/10/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1/ Bà Phan Thị L - (vắng mặt)
Địa chỉ: đường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2/ Bà Phan Thị B- (vắng mặt)
Địa chỉ: đường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người được nguyên đơn ủy quyền: Ông Lê Thành Nh - (có mặt)
Địa chỉ: đường Y, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Phan Văn Đ - (có mặt)
Địa chỉ: đường V, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị Thúy Ph- (vắng mặt).
Người được ủy quyền: ông Phan Hoàng Bảo V - (có mặt)

Địa chỉ: đường V, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện người được ủy quyền của nguyên đơn trình bày.

1/ Về đơn khởi kiện của bà Phan Thị L:

Ngày 25/3/2015 bà Phan Thị L có cho ông Phan Văn Đ và bà Trần Thị Thúy Ph (là em ruột và em dâu của bà L) vay số tiền 280.000.000 đồng, khi vay không thỏa thuận lãi suất, có viết giấy vay nợ nhưng chỉ một mình ông Đ ký, bà Ph không ký vì tin tưởng anh em trong gia đình, hẹn trả nợ thời hạn 01 tháng.

Từ khi vay cho đến nay thì ông Đ, bà Ph không trả nợ cho bà L tiền gốc và tiền lãi.

Bà Phan Thị L đòi nhiều lần nhưng ông Đ, bà Ph không trả nợ. Nguyện vọng của bà Phan Thị L là đề nghị ông Đ, bà Ph trả cho bà Phan Thị L số tiền 280.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

2/ Về đơn khởi kiện của bà Phan Thị B:

Ngày 01/02/2016 bà Phan Thị B cho ông Phan Văn Đ và bà Trần Thị Thúy Ph (là anh ruột và chị dâu của bà B) vay số tiền 1.100.000.000 đồng, khi vay không thỏa thuận lãi suất, có viết giấy vay nợ nhưng chỉ một mình ông Đ ký, bà Ph không ký vì tin tưởng anh em trong gia đình, hẹn trả nợ thời hạn 01 tháng.

Ngày 07/02/2016 bà Phan Thị B tiếp tục cho ông Đ và bà Ph vay số tiền 450.000.000 đồng,

Ngày 02/03/2016 ông Đ và bà Ph trả cho bà B số tiền 200.000.000 đồng tiền gốc của khoản vay ngày 01/02/2016 và viết giấy nợ lại 900.000.000 đồng vào ngày 02/03/2016. Tổng cộng số tiền hai lần vay là 1.350.000.000 đồng.

Từ tháng 3 năm 2016 cho đến nay thì ông Đ, bà Ph không trả nợ cho cho bà B tiền gốc và lãi. Nguyện vọng của bà Phan Thị B là đề nghị ông Đ, bà Ph trả cho Phan Thị B số tiền 1.350.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn ông Phan Văn Đ trình bày:

1/ Về khoản vay của bà Phan Thị L

Ngày 25/3/2015 tôi có ghi giấy nợ vay của cô L số tiền 280.000.000 đồng (thực tế khoản nợ này tôi vay ngày 17/02/2014), khi vay không thế chấp tài sản, có thỏa thuận lãi suất 60.000 đồng/1 tháng/1triệu, thời hạn vay khi nào bà L cần thì trả, quá trình vay cho đến nay hàng tháng tôi vẫn trả lãi cho bà L mỗi tháng là

16.800.000 đồng. Tôi đã trả lãi cho bà L từ ngày 17/3/2014 đến 17/12/2014 số tiền là 168.000.000 đồng. Sau đó bà L hạ tiền lãi còn 45.000 đồng/1 tháng/1triệu, trả bắt đầu từ ngày 17/02/2015 đến 17/3/2016 là 13 tháng, số tiền 163.800.000 đồng. Như vậy tổng số tiền lãi tôi trả cho bà L tiền là 331.800.000 đồng.

Khi trả tiền lãi hai bên không ghi giấy biên nhận, nhưng tôi có ghi vào sổ của bà L và tôi có ghi vào sổ của tôi nhưng tôi không cho bà L ký vào sổ này (Trong giấy ghi tiền lãi tôi giao nộp cho Tòa án có nhiều khoản tiền vay nóng của bà L nữa).

Tôi xác định có vay của bà L số tiền 280.000.000 đồng năm 2014 chứ không phải vay năm 2015 (ngày 25/3/2015 tôi mới ghi lại là nợ 280.000.000 đồng).

Nay bà L khởi kiện đòi số tiền 280.000.000 đồng tôi chấp nhận trả nợ, tuy nhiên phần tiền lãi tôi đã trả cho bà L là 331.800.000 đồng hơn số tiền gốc, do đó tôi có tranh chấp về tiền lãi nên đề nghị Tòa án tính toán lại tiền lãi của khoản tiền gốc 280.000.000 đồng từ ngày vay 17/02/2014 cho đến nay để khấu trừ số tiền gốc mà tôi phải thanh toán cho bà L.

2/ Về khoản vay của bà Phan Thị B:

Ngày 07/5/2014 tôi có vay của bà B số tiền 450.000.000 đồng, khi vay không thế chấp tài sản, có thỏa thuận lãi suất 60.000 đồng/1 tháng/1triệu, thời hạn vay khi nào bà B cần thì trả, quá trình vay cho đến nay hàng tháng tôi vẫn trả lãi cho bà B mỗi tháng là 20.250.000 đồng (trả ngày 07/5/2014 đến 07/01/2016) là 425.250.000 đồng tiền lãi. Đến ngày 07/02/2016 tôi có ghi lại giấy nợ cho bà B số nợ gốc là 450.000.000 đồng.

Ngày 23/4/2014 đến ngày 11/01/2016 tôi có vay của bà B nhiều lần tổng cộng là 900.000.000 đồng, có thỏa thuận lãi suất 60.000 đồng/1 tháng/1triệu, thời hạn vay khi nào bà L cần thì trả, quá trình vay cho đến nay hàng tháng tôi vẫn trả lãi cho bà B, tính từ ngày 23/4/2014 đến ngày 11/01/2016 là 392.570.000 đồng. Đến ngày 02/03/2016 tôi có ghi lại giấy nợ cho bà B số nợ gốc là 900.000.000 đồng.

Như vậy tiền gốc của hai lần vay là 1.350.000.000 đồng, tiền lãi đã trả là 817.820.000 đồng.

Ngày 02/03/2016 tôi đã trả tiền gốc là 250.000.000 đồng, như vậy còn nợ tiền gốc là 1.100.000.000 đồng.

Khi trả tiền lãi hai bên không ghi giấy biên nhận, nhưng tôi có ghi vào sổ của bà B và tôi có ghi vào sổ của tôi nhưng tôi không cho bà B ký vào sổ này.

Về số tiền gốc 250.000.000 đồng tôi đã trả thì chúng tôi không ghi giấy biên nhận gì.

Nay bà B khởi kiện đòi số tiền 1.350.000.000 đồng tôi không đồng ý, mà chỉ chấp nhận trả nợ số tiền gốc là 1.100.000.000 đồng, tuy nhiên phần tiền lãi tôi đã trả cho bà B là 817.820.000 đồng, do đó tôi có tranh chấp về tiền lãi nên đề nghị Tòa án tính toán lại tiền lãi của khoản tiền gốc 1.350.000.000 đồng từ ngày vay cho đến nay để khấu trừ số tiền lãi và tiền gốc mà tôi phải thanh toán cho bà B.

Về khoản nợ của bà B và bà L trong các giấy vay tiền, tôi là người vay và ký nhận nợ, vợ tôi là Trần Thị Thúy Ph có biết khoản nợ này nhưng không biết nợ là bao nhiêu. Số nợ này là tôi nợ để làm ăn kinh doanh tạo thu nhập cho gia đình, tuy nhiên không may bị thua lỗ, nay bà B và bà L yêu cầu vợ tôi cùng trả nợ thì tôi không đồng ý mà khoản nợ này tôi chịu trách nhiệm trả nợ cho bà B và bà L, tôi xin trả dần vì hiện nay hoàn cảnh rất khó khăn không có tiền trả một lần cho bà B và bà L.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi liên quan là ông Phan Hoàng Bảo V trình bày:

Về khoản nợ của bà B và bà L trong các giấy vay tiền, bố tôi là người vay và ký nhận nợ, mẹ tôi là Trần Thị Thúy Ph có biết khoản nợ này nhưng không biết nợ là bao nhiêu, số nợ này là bố tôi nợ để làm ăn kinh doanh tạo thu nhập cho gia đình, tuy nhiên không may bị thua lỗ, nay bà B và bà L yêu cầu mẹ tôi cùng trả nợ thì tôi không đồng ý mà khoản nợ này bố tôi chịu trách nhiệm trả nợ cho bà B và bà L. Mẹ tôi chỉ hỗ trợ cùng với bố tôi một phần để trả nợ cho bà L và bà B.

Tại phiên toà hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột phát biểu như sau:

Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa HĐXX và đương sự đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của Phan Thị B và bà Phan Thị L.

Buộc ông Phan Văn Đ và bà Trần Thị Thúy Ph liên đới chịu trách nhiệm trả cho bà Phan Thị Bsố tiền 1.350.000.000 đồng.

Buộc ông Phan Văn Đ và bà Trần Thị Thúy Ph liên đới chịu trách nhiệm trả cho bà Phan Thị L số tiền 280.000.000 đồng.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án "*Kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về hợp đồng vay mượn:

Ngày 25/3/2015 ông Phan Văn Đ có vay của bà Phan Thị L số tiền 280.000.000 đồng. Ngày 01/02/2016 ông Phan Văn Đ vay của bà Phan Thị B số tiền 1.100.000.000 đồng. Ngày 07/02/2016 ông Phan Văn Đ vay của bà Phan Thị B số tiền 450.000.000 đồng, ngày 02/3/2016 ông Đ đã trả cho bà B 200.000.000 đồng tiền gốc của khoản vay ngày 01/02/2016 và viết giấy nợ lại 900.000.000 đồng vào ngày 02/3/2016. Tổng cộng số tiền vay của bà B là 1.350.000.000 đồng. Các hợp đồng vay nợ trên không ghi lãi xuất, không thế chấp tài sản, hẹn trả nợ thời gian 01 tháng thì trả. Quá thời hạn trả nợ nhưng ông Đ không trả nợ cho bà B và bà L như cam kết là vi phạm hợp đồng, việc bà L khởi kiện yêu cầu hoàn trả 280.000.000 đồng tiền gốc và bà B yêu cầu khởi kiện hoàn trả 1.350.000.000 đồng tiền gốc là có cơ sở cần chấp nhận theo quy định tại Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Xét về lời trình bày của bị đơn cho rằng đã trả tiền lãi cho bà L tổng số tiền 331.800.000 đồng, trả cho bà B tổng số tiền lãi là 817.820.000 đồng và tiền gốc là 250.000.000 đồng, quá trình hòa giải, đối chất các nguyên đơn không thừa nhận. Ngày 29/9/2017 ông Đ xuất trình các chứng cứ là bản kê trả tiền lãi cho bà B và bà L tuy nhiên đây là chữ viết của ông Đ, không có sự xác nhận của bà B và bà L, do đó không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của bị đơn đã trả gốc và lãi suất cho các nguyên đơn.

[2.2] Về trách nhiệm liên đới của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Trong các hợp đồng vay tiền chỉ có một mình ông Phan Văn Đ ký, bà Trần Thị Thúy Ph không ký. Quá trình điều tra ông Đ cho rằng khoản vay nợ này là vay để kinh doanh, buôn bán tạo thu nhập cho gia đình, không may bị thua lỗ không trả nợ được, bà Ph cũng biết khoản vay nợ này, hiện nay ông Đ và bà Ph là vợ chồng, do vậy căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình để buộc bà Trần Thị Thúy Ph có trách nhiệm

liên đới cùng với ông Phan Văn Đ trả nợ cho bà Phan Thị B và bà Phan Thị L là phù hợp các quy định của pháp luật.

Về yêu cầu xin trả dần của bị đơn, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý do vậy không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về lãi suất: Đồng nguyên đơn không yêu cầu ông Phan Văn Đ và bà Trần Thị Thúy Ph trả lãi do đó không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phan Thị L và bà Phan Thị B.

Buộc ông Phan Văn Đ và bà Trần Thị Thúy Ph liên đới chịu trách nhiệm trả cho bà Phan Thị L số tiền 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng).

Buộc ông Phan Văn Đ và bà Trần Thị Thúy Ph liên đới chịu trách nhiệm trả cho bà Phan Thị B số tiền 1.350.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phan Văn Đ và bà Trần Thị Thúy Ph phải chịu 54.450.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả số tiền 26.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà Phan Thị B đã nộp theo biên lai số AA/2016/0001040 ngày 07/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Hoàn trả số tiền 7.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà Phan Thị L đã nộp theo biên lai số AA/2016/0001039 ngày 07/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thành phố Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS thành phố Buôn Ma Thuột;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Viết Kiên